

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**

**Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	

414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Chen Chung Kuang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
 Tỉnh Đồng Nai
 Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
 Huyện Cẩm Giàng
 Tỉnh Hải Dương
 Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai ("Trụ sở chính") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Wang Tíng Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Trụ sở chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quan việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính và không bao gồm báo cáo tài chính của chi nhánh.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345



Lam Thi Ngọc Hào

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		278.259.467.967	320.654.919.924
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.431.748.931	69.622.001.723
Tiền	111		27.431.748.931	13.622.001.723
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	56.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.286.273.335	93.334.459.445
Phải thu khách hàng	131		130.997.425.795	92.754.379.328
Trả trước cho người bán	132		2.934.045.200	60.000.000
Các khoản phải thu khác	135		1.692.798.954	1.858.076.731
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.337.996.614)	(1.337.996.614)
Hàng tồn kho	140	5	83.712.655.793	150.697.263.999
Hàng tồn kho	141		86.032.633.941	153.220.650.193
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.319.978.148)	(2.523.386.194)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.828.789.908	7.001.194.757
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.632.571.089	1.201.446.751
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.037.136.319	5.608.050.506
Tài sản ngắn hạn khác	158		159.082.500	191.697.500
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		200.088.257.201	205.177.687.291
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh	212	6	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		73.101.234.137	78.377.875.674
Tài sản cố định hữu hình	221	7	72.458.022.137	77.848.675.674
Nguyên giá	222		275.265.878.179	274.930.348.926
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.807.856.042)	(197.081.673.252)
Tài sản cố định vô hình	224	8	472.500.000	529.200.000
Nguyên giá	225		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(94.500.000)	(37.800.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	170.712.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.185.375.627	3.998.164.180
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.185.045.897	2.776.254.177
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	1.000.329.730	1.221.910.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		478.347.725.168	525.832.607.215

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		201.914.411.774	251.626.685.257
Nợ ngắn hạn	310		201.914.411.774	251.626.685.257
Vay ngắn hạn	311	12	75.734.770.603	143.857.713.920
Phải trả người bán	312	13	114.290.569.161	96.330.703.845
Người mua trả tiền trước	313		4.203.348.182	6.291.211.643
Thuế phải nộp Nhà nước	314	14	4.281.734.703	831.137.192
Phải trả người lao động	315		2.701.460.732	3.572.733.800
Chi phí phải trả	316	15	632.897.732	671.248.641
Các khoản phải trả khác	319		69.630.661	71.936.216
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		276.433.313.394	274.205.921.958
Vốn chủ sở hữu	410	16	276.433.313.394	274.205.921.958
Vốn cổ phần	411	17	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	17	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	18	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(23.861.226.562)	(26.088.617.998)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		478.347.725.168	525.832.607.215

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	4.083.709.521	1.209.007.946
Ngoại tệ	13.919.622.106	3.563.635.794

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

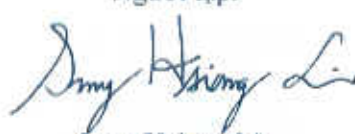
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	19	337.735.972.819	291.437.329.376
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		380.381.400	181.775.218
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		337.355.591.419	291.255.554.158
Giá vốn hàng bán	11	20	320.873.331.894	259.865.967.949
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		16.482.259.525	31.389.586.209
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.557.675.604	1.704.696.406
Chi phí tài chính	22	22	4.164.607.927	4.490.076.597
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.735.223.650	3.742.621.871
Chi phí bán hàng	24		6.691.998.909	6.812.995.535
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.790.343.457	8.634.885.579
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(607.015.164)	13.156.324.904
Thu nhập khác	31	23	3.086.903.628	2.441.629.513
Chi phí khác	32		30.916.755	12.643.013
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.055.986.873	2.428.986.500
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.448.971.709	15.585.311.404
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	24	221.580.273	105.171.469
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.227.391.436	15.480.139.935
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	80	555

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Jing Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.448.971.709	15.585.311.404
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và phân bổ	02		6.535.145.990	6.510.805.476
Các khoản dự phòng	03		-	622.292.022
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.471.967.270	-
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(72.727.273)	(2.727.273)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.419.969.659)	(1.704.681.693)
Chi phí lãi vay	06		1.735.223.650	3.742.621.871
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.698.611.687	24.753.621.807
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(40.526.303.789)	23.095.822.932
Biến động hàng tồn kho	10		66.984.608.206	13.748.941.724
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		17.207.037.473	722.351.113
Biến động chi phí trả trước	12		(839.916.058)	217.334.806
			53.524.037.519	62.538.072.382
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.751.605.054)	(4.070.397.105)
Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(2.607.462.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		51.772.432.465	55.860.212.799
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.454.638.499)	(473.470.761)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		72.727.273	2.727.273
Thu lãi tiền gửi	27		1.419.969.659	1.722.348.256
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		38.058.433	1.251.604.768

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a- DN

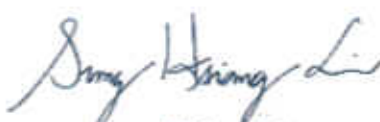
Mã số	Thuyết minh	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
-------	-------------	----------------------------------	----------------------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ vay ngắn hạn	33	49.945.544.000	121.600.689.240
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(118.946.287.690)	(203.973.449.011)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(69.000.743.690)	(82.372.759.771)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(17.190.252.792)	(25.260.942.204)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	69.622.001.723	72.613.149.680
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	52.431.748.931	47.352.207.476

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Tung Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a- DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính của Trụ sở chính và không bao gồm báo cáo tài chính của chi nhánh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Trụ sở chính có 256 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 253 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Trụ sở chính phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Trụ sở chính có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Trụ sở chính có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Trụ sở chính xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Trụ sở chính trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Trụ sở chính chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mà mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Trụ sở chính hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	454.257.000	483.202.000
Tiền gửi ngân hàng	26.977.491.931	13.138.799.723
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	56.000.000.000
	52.431.748.931	69.622.001.723

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

5. Hàng tồn kho

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	18.713.500.935	43.621.605.843
Nguyên vật liệu	17.160.651.703	17.730.333.967
Sản phẩm dở dang	8.057.227.700	23.818.958.595
Thành phẩm	42.101.253.603	68.049.751.788
	86.032.633.941	153.220.650.193
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.319.978.148)	(2.523.386.194)
	83.712.655.793	150.697.263.999

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	2.523.386.194	1.228.502.550
Tăng dự phòng trong kỳ	-	111.255.482
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(203.408.046)	-
Số dư cuối kỳ	2.319.978.148	1.339.758.032

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 11.503 triệu VND giá trị thành phẩm (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 16.909 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho chi nhánh Hải Dương và được ghi nhận theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	73.437.916.726	190.284.457.920	5.998.994.702	3.003.048.344	2.205.931.234	274.930.348.926
Tăng trong kỳ	-	1.283.926.499	-	-	-	1.283.926.499
Thanh lý	-	-	(325.150.500)	-	-	(325.150.500)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(48.883.977)	(414.863.260)	(23.818.182)	(71.470.090)	(64.211.237)	(623.246.746)
Số dư cuối kỳ	73.389.032.749	191.153.521.159	5.650.026.020	2.931.578.254	2.141.719.997	275.265.878.179
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	44.635.724.895	141.978.770.979	5.773.082.691	2.558.899.356	2.135.195.331	197.081.673.252
Khấu hao trong kỳ	1.304.262.200	4.989.627.946	39.000.400	130.253.451	15.301.993	6.478.445.990
Thanh lý	-	-	(325.150.500)	-	-	(325.150.500)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(28.870.600)	(292.333.100)	(4.962.000)	(47.993.300)	(52.953.700)	(427.112.700)
Số dư cuối kỳ	45.911.116.495	146.676.065.825	5.481.970.591	2.641.159.507	2.097.543.624	202.807.856.042
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	28.802.191.831	48.305.686.941	225.912.011	444.148.988	70.735.903	77.848.675.674
Số dư cuối kỳ	27.477.916.254	44.477.455.334	168.055.429	290.418.747	44.176.373	72.458.022.137

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có số tài sản có nguyên giá 126.346 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31 tháng 12 năm 2012: 125.571 triệu VND).

Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Ban Giám đốc cho rằng ảnh hưởng từ việc chọn áp dụng Thông tư 45 là không trọng yếu.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	37.800.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	94.500.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	529.200.000
Số dư cuối kỳ	472.500.000

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	-	4.530.836.501
Tăng trong kỳ	170.712.000	220.899.090
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(4.751.735.591)
Số dư cuối kỳ	170.712.000	-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.709.152.171	1.067.102.006	2.776.254.177
Tăng trong kỳ	-	582.062.300	582.062.300
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(144.846.300)	(173.270.580)
Số dư cuối kỳ	1.680.727.891	1.504.318.006	3.185.045.897

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản cố định	311.019.116	290.284.508
Dự phòng phải thu khó đòi	200.699.492	200.699.492
Dự phòng hàng tồn kho	347.996.722	378.507.929
Các khoản dự phòng và chi phí phải trả khác	140.614.400	352.418.074
	1.000.329.730	1.221.910.003

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	30/6/2013		31/12/2012	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	28.390.372.700	4.887.601.777	30.985.427.505	5.331.356.148

Lỗ tính thuế hết hạn vào năm 2014. Các khoản chênh lệch tạm thời không hết hạn theo các quy định thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Trụ sở chính có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	-	11.473.000.000
Ngân hàng Chinatrust Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	5.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	6.339.000.000	19.544.482.248
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	25.065.030.603	65.556.600.995
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 0,55%	10.565.000.000	5.215.000.000
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.000.000 USD	SIBOR 1 tháng + 1%	-	11.036.816.983
Ngân hàng Thương Hải (a)	2.000.000 USD	4,4%	-	8.344.000.000
Ngân hàng Thương Hải – OBU	3.000.000 USD	4,3%	16.861.740.000	6.258.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam	5.000.000 USD	0,5% năm trên giá vốn của quỹ - được quyết định trên mỗi giao dịch	-	4.172.000.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

		Mẫu B 09a – DN	
	Khoản tín dụng	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
	Lãi suất vay trên một năm		
	USD: SIBOR/ COF Chi nhánh HCM + 1,5%		
	VND: COF Chi nhánh HCM COF + 1,5%		
Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	12.678.000.000	12.257.813.694
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (b)	40.000.000.000 VND	4.226.000.000	-
		75.734.770.603	143.857.713.920

a. Khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

b. Khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

13. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả cho bên liên quan như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ)	106.266.189.133	90.622.654.839

Khoản phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn.

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.927.925.822	165.607.660
Thuế nhập khẩu	213.567.521	148.734.452
Thuế thu nhập cá nhân	140.241.360	516.795.080
	4.281.734.703	831.137.192

15. Chi phí phải trả

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí kiểm toán	479.799.608	493.440.240
Phí lãi vay	141.568.984	157.950.388
Chi phí khác	11.529.140	19.858.013
	632.897.732	671.248.641

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Vốn chủ sở hữu

Biến động trong kỳ của vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(50.345.968.308)	249.948.571.648
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	15.480.139.935	15.480.139.935
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2012	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(34.865.828.373)	265.428.711.583
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	8.777.210.375	8.777.210.375
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(26.088.617.998)	274.205.921.958
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.227.391.436	2.227.391.436
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(23.861.226.562)	276.433.313.394

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 a- DN

17. Vốn cổ phần/Cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Trụ sở chính là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Trụ sở chính. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Trụ sở chính. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Trụ sở chính mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

18. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ thành phẩm đã bán	337.562.452.934	291.370.894.376
▪ Doanh thu từ hàng hoá đã bán	173.519.885	66.435.000
	337.735.972.819	291.437.329.376
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(380.381.400)	(181.775.218)
Doanh thu thuần	337.355.591.419	291.255.554.158

20. Giá vốn hàng bán

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	320.604.929.819	259.695.408.569
▪ Hàng hoá đã bán	268.402.075	59.303.898
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	111.255.482
	320.873.331.894	259.865.967.949

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi	1.419.969.659	1.704.681.693
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	137.705.945	14.713
	1.557.675.604	1.704.696.406

22. Chi phí tài chính

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	1.735.223.650	3.742.621.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	957.417.007	747.454.726
Lỗ thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.471.967.270	-
	4.164.607.927	4.490.076.597

23. Thu nhập khác

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	72.727.273	2.727.273
Thu từ bán phế liệu	3.013.500.300	2.438.902.240
Thu nhập khác	676.055	-
	3.086.903.628	2.441.629.513

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoãn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	221.580.273	105.171.469
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	221.580.273	105.171.469

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.448.971.709	15.585.311.404
Thuế tính theo thuế suất trong Giấy phép Đầu tư	367.345.756	2.337.796.710
Chi phí không được khấu trừ thuế	243.492.737	320.204.294
Ảnh hưởng của thuế suất khác	54.496.151	357.396.135
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(443.754.371)	(2.910.225.670)
Chi phí thuế thu nhập	221.580.273	105.171.469

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 dựa trên lãi thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.227.391.436	15.480.139.935
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.227.391.436	15.480.139.935

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	1/1/2013 đến 30/6/2013	1/1/2012 đến 30/6/2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Trụ sở chính không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: Không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd				
Mua nguyên vật liệu	242.570.272.438	241.171.913.437	106.180.708.510	90.529.563.371
Phí thương hiệu	483.283.778	419.029.213	85.480.623	93.091.468
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán dây và cáp điện	6.312.309.907	73.078.500	-	-
Vốn kinh doanh phân bổ cho chi nhánh	-	-	122.801.647.437	122.801.647.437

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của công ty mẹ. Bù lại, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0.1% trên doanh thu thuần.

27. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.500.874.395	3.448.684.360
Từ hai đến năm năm	14.003.497.578	13.794.737.439
Trên năm năm	76.998.898.790	77.340.010.533
	94.503.270.763	94.583.432.332

Chi phí thuê hàng năm của Trụ sở chính gồm 2 khoản thuê:

- Phí thuê đất cho Trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai với phí thuê tối thiểu hàng năm bao gồm thuế giá trị gia tăng là 109.798 USD và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 25.885 USD trong 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi năm năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 630 triệu VND trong mười năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	252.615.751.908	235.829.019.084
Chi phí nhân công	14.759.685.445	14.120.936.014
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.535.145.990	6.510.805.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.085.079.931	10.019.637.898
Chi phí khác	5.474.570.833	5.483.258.953

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Trụ sở chính phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng,
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Trụ sở chính có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Trụ sở chính sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Trụ sở chính chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Trụ sở chính như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Trụ sở chính. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính.

Các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Trụ sở chính. Trụ sở chính, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Trụ sở chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công ty tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	51.977.491.931	69.138.799.723
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	131.352.228.135	93.274.459.445
		183.329.720.066	162.413.259.168

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Trụ sở chính chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Trụ sở chính.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Trụ sở chính chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Trụ sở chính đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Trụ sở chính đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Trụ sở chính thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Trụ sở chính hoặc chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	124.554.427.706	87.888.965.691
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	4.847.401.681	4.278.778.115
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.382.581.391	550.101.881
Quá hạn trên 180 ngày	567.817.357	556.613.758
	131.352.228.135	93.274.459.445

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	1.337.996.614	526.960.074
Tăng dự phòng trong kỳ	-	517.536.540
Hoàn nhập	-	(6.500.000)
	1.337.996.614	1.037.996.614

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Trụ sở chính không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Trụ sở chính là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Trụ sở chính luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Trụ sở chính.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2013	Giá trị ghi sổ VND'	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	117.694.558.286	117.694.558.286	-
Vay ngân hàng	75.734.770.603	76.260.666.650	76.260.666.650
	193.429.328.889	193.955.224.936	76.260.666.650

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

31/12/2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	100.646.622.502	100.646.622.502	100.646.622.502
Vay ngân hàng	143.857.713.920	145.569.833.542	145.569.833.542
	244.504.336.422	246.216.456.044	246.216.456.044

Trụ sở chính quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất và tỷ giá hối đoái, sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Trụ sở chính hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Trụ sở chính nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Trụ sở chính có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Trụ sở chính được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Trụ sở chính có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	661.703	171.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.157.685	1.133.288
Vay ngắn hạn	(3.584.230)	(6.394.905)
Phải trả người bán và phải trả khác	(5.176.885)	(4.436.794)
	(5.941.727)	(9.527.411)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Trụ sở chính áp dụng:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
1 USD	21.130	20.815

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu	
	1/1/2013 đến 30/6/2013	1/1/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
USD (mạnh thêm 5%)	(5.335.819.389)	(7.496.939.710)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền sẽ có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Trụ sở chính.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Trụ sở chính như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	306.290.450.003	285.406.604.105
Nợ phải trả tài chính	(117.694.558.286)	(100.646.622.502)
	188.595.891.717	184.759.981.603
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(75.734.770.603)	(143.857.713.920)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ dẫn đến tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh theo khoản tiền được thể hiện dưới đây. Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

30/6/2013	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp	Giảm 100bp	Tăng 100bp	Giảm 100bp
Công cụ lãi suất thả nổi	(237.842.403)	237.842.403	(237.842.403)	237.842.403
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(237.842.403)	237.842.403	(237.842.403)	237.842.403
31/12/2012	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp	Giảm 100bp	Tăng 100bp	Giảm 100bp
Công cụ lãi suất thả nổi	(353.289.658)	353.289.658	(353.289.658)	353.289.658
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(353.289.658)	353.289.658	(353.289.658)	353.289.658

(e) Giá trị hợp lý

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý đối với mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ gần bằng với giá trị hợp lý tương ứng do các công cụ này đáo hạn trong ngắn hạn.

Các khoản vay ngân hàng

Giá trị ghi sổ của các khoản vay xấp xỉ giá trị hợp lý dựa trên lãi suất vay hiện tại của các khoản vay ngân hàng với các điều khoản và thời gian đáo hạn tương tự.

Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh

Trụ sở chính chưa xác định giá trị hợp lý của vốn kinh doanh giao cho chi nhánh theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho tài sản tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này có thể khác biệt với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(f) Phân loại các công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tất cả các tài sản tài chính được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Tất cả nợ phải trả tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

30. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND (phân loại lại)	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND (theo báo cáo trước đây)
Khấu hao và phân bổ	02	6.510.805.476	6.728.140.282
Biến động chi phí trả trước	12	217.334.806	-

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:


Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc